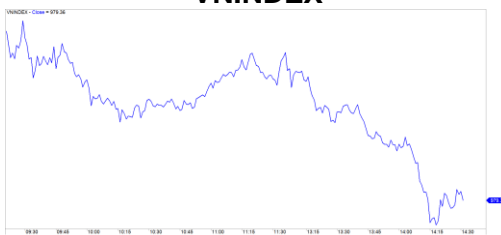


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	979.36	101.40	57.31
% ngày	-0.48%	-0.90%	-0.90%
% tuần	0.26%	-1.42%	-1.21%
% tháng	-1.18%	-2.22%	-2.17%
% năm	-1.03%	-10.10%	10.51%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,333	415	424
TB 1 tuần	3,492	321	372
TB 1 tháng	4,279	375	492
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	481.12	99.53	20.70
Bán	492.67	15.06	10.75
Giá trị ròng	-11.55	84.47	9.95
Độ rộng TT			
Mã Tăng	83	52	168
Mã Giảm	203	84	119
Không Đổi	102	232	609
Chỉ số chính			
P/E	16.57	9.12	19.52
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,331	188	1,028
LS Cổ tức	1.24%	4.47%	4.85%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau kỳ nghỉ lễ, lực bán trên diện rộng khiến VN-Index đóng cửa giảm 0.48% dừng tại 979.36 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm mạnh hơn khi mất 0.89% chốt tại 101.4 điểm, chỉ số Upcom-Index cũng đồng thuận giảm 0.9% dừng tại 57.31 điểm. Dòng tiền không có nhiều thay đổi khi đạt hơn 3,000 tỷ đồng trên toàn thị trường (chỉ tính giao dịch khớp lệnh).

Lực bán lan rộng với số mã giảm lấn áp hoàn toàn mã tăng tập trung ở nhóm vốn hóa nhỏ và vừa khi nhiều mã giảm hết biên độ. Nhóm Bất Động sản KCN chưa có dấu hiệu “cầm máu” khi SZC, PHR, D2D, TIP giảm sàn hoặc cận sàn. Nhóm Dầu khí, Bất động sản nhìn chung điều chỉnh khi GAS(-0.8%), PVD(-5.1%), PVS(-1.4%), NTL(-6.3%), NBB(-3.4%), LHG(-1.9%), DXG(-3.2%), TDC(-1.4%), DRH(-5.7%). BID sau phiên tăng mạnh liền trước cũng đang đối diện với áp lực chốt lời khi đảo chiều giảm nhẹ về cuối phiên mặc dù tăng gần 1% trong phiên sáng. Ở chiều tăng điểm, VNM, FPT, REE, MWG tăng giá nhưng mức tăng không đáng kể. Một số mã có mức tăng đáng chú ý nhưng không nhiều có thể nêu tên như DCM(+3.4%), DCL(+4.2%), HVH(+4%)...

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 4 liên tiếp với 83 tỷ đồng trên cả ba sàn. PVI, VNM được mua ròng tích cực nhất tương ứng 95.7 tỷ và 55.7 tỷ. Ở chiều bán, VJC bị bán ròng nhiều nhất với 31.3 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục biến động quanh mức 980 điểm trong vài phiên tới. Điểm tiêu cực chúng tôi nhận thấy là áp lực bán có chiều hướng gia tăng lên nhóm cổ phiếu Smallcaps và chúng tôi hạ xu hướng ngắn hạn của chỉ số VNSmallcaps từ TĂNG xuống GIẢM. Đồng thời, nhiều cổ phiếu Smallcaps cũng rơi vào trạng thái quá bán cho thấy lực cầu bắt đáy có thể sẽ gia tăng ở nhóm cổ phiếu này, nhưng đây chỉ là nhịp hồi phục kỹ thuật. Ngoài ra, tâm lý nhà đầu tư đã tỏ ra bi quan hơn và tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là cơ cấu lại danh mục để giảm tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức hỗ trợ ở mức 976.64 điểm và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 104.35 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiến hành cơ cấu lại danh mục, đặc biệt là tận dụng nhịp hồi phục kỹ thuật ở nhóm Smallcaps để hạ tỷ trọng cổ phiếu ở nhóm này.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.70			16.85	16.52	-1.95%	BÁN
ACB	22.10	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-2.64%			23.85		
ACV	81.20	GIẢM	GIẢM		84.63			90.00	81.77	-9.15%	
ANV	24.60	GIẢM	GIẢM		25.40				28.27		
ASM	6.25	GIẢM	GIẢM		6.52				6.91		
BFC	15.05	GIẢM	GIẢM		16.07				17.86		
BID	38.70	TĂNG	TĂNG	32.65	36.68	18.53%		33.40	33.64	15.87%	
BMP	49.30	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	2.07%	
BSR	9.40	GIẢM	GIẢM		9.78				11.23		
BVH	75.50	GIẢM	GIẢM		79.18			85.40	76.69	-10.19%	BÁN
BWE	26.45	TĂNG	TĂNG	27.20	26.18	-2.76%		20.00	25.45	32.25%	
CEO	9.90	GIẢM	GIẢM		10.48				11.33		
CII	20.70	TĂNG	GIẢM	21.05	20.05	-1.66%			22.73		
CMG	39.00	TĂNG	TĂNG	40.15	38.51	-2.86%		23.20	34.96	68.10%	
CMX	31.30	TĂNG	TĂNG	30.30	31.00	3.30%		5.91	24.85	429.61%	
CSM	15.05	TĂNG	TĂNG	15.40	14.64	-2.27%		14.39	14.22	4.58%	
CTD	93.80	GIẢM	GIẢM		100.13			112.70	99.66	-11.57%	BÁN
CTG	19.95	GIẢM	GIẢM		20.84				22.52		
CTI	23.00	GIẢM	GIẢM		24.30				24.64		
CTR	55.80	GIẢM	N/A	28.80	58.42	102.86%	BÁN	-	N/A		
CVT	20.20	GIẢM	TĂNG		21.19			20.35	18.94	-0.74%	
DCM	8.47	TĂNG	GIẢM	8.47	8.20	0.00%	MUA		8.53		
DGC	27.70	GIẢM	GIẢM		29.41			31.90	27.79	-12.89%	
DGW	23.40	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	-0.43%	
DHA	33.35	GIẢM	TĂNG		35.28			29.10	32.95	14.60%	
DHC	30.70	GIẢM	GIẢM		32.69				35.74		
DHG	92.60	GIẢM	GIẢM		95.71				104.89		
DIG	13.90	TĂNG	TĂNG	13.45	13.83	3.35%		13.90	11.60	0.00%	
DPG	43.80	GIẢM	GIẢM		51.28			40.02	44.62	11.51%	
DPM	13.65	GIẢM	GIẢM		13.93				15.49		
DPR	40.20	GIẢM	GIẢM		43.06			42.50	41.14	-3.19%	BÁN
DQC	19.40	TĂNG	GIẢM	19.25	17.53	0.78%			20.27		
DRC	22.05	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	7.82%		21.60	19.76	2.08%	
DXG	15.00	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-7.12%		15.50	14.74	-3.23%	MUA
EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.90			14.70	16.88	14.97%	



We Create Fortune

FCN	12.40	GIẢM	GIẢM		12.63			13.62		
FMC	28.20	GIẢM	TĂNG		30.11			31.60	25.69	-10.76%
FPT	53.70	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	18.81%		46.00	48.54	16.74%
GAS	99.80	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-5.13%			109.55	
GEX	20.65	TĂNG	TĂNG	22.20	20.08	-6.98%		20.20	18.55	2.23%
GIL	22.00	GIẢM	GIẢM		22.75				25.90	
GMD	28.35	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	6.78%		28.50	25.99	-0.53%
GTN	18.90	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	0.53%		15.00	16.84	26.00%
GVR	14.10	GIẢM	N/A		16.53				N/A	
HAG	4.81	GIẢM	GIẢM		5.03				5.48	
HAX	19.15	GIẢM	TĂNG		20.69			15.75	17.40	21.59%
HBC	13.55	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-4.91%			15.79	
HCM	20.65	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15	
HDB	25.70	TĂNG	GIẢM	26.30	25.54	-2.28%			27.77	
HDC	20.35	GIẢM	TĂNG		23.22			15.25	17.98	33.44%
HDG	34.90	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-1.13%
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	-0.58%
HPG	21.65	GIẢM	GIẢM		23.17				23.96	
HSG	6.78	GIẢM	GIẢM		7.05				7.74	
HT1	15.30	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70	
HUT	2.20	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-8.33%			2.83	
HVN	36.00	GIẢM	GIẢM		37.57				42.96	
KBC	15.90	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-0.62%		15.35	14.17	3.58%
KDH	23.75	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	3.71%		24.00	21.98	-1.04%
KSB	22.50	GIẢM	TĂNG	22.95	23.35	1.73%	BÁN	23.90	21.11	-5.86%
LCG	9.30	GIẢM	GIẢM		9.53				10.67	
LDG	9.05	TĂNG	GIẢM	8.18	8.94	10.64%			9.15	
LHG	17.90	GIẢM	TĂNG		19.09			19.30	17.32	-7.25%
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.94				8.33	
LSS	5.15	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-4.45%			5.83	
MBB	22.80	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	2.70%		21.85	20.88	4.35%
MPC	28.40	GIẢM	GIẢM		31.01				36.74	
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM	78.00	74.67	-4.27%	BÁN		84.26	
MSR	16.00	GIẢM	GIẢM		17.00				19.11	
MWG	117.60	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	32.58%
NDN	17.10	GIẢM	TĂNG		19.25			13.70	16.27	24.82%
NKG	6.15	GIẢM	GIẢM		6.59				6.85	
NLG	30.00	GIẢM	TĂNG		31.49			28.70	28.89	4.53%
NT2	25.40	TĂNG	GIẢM	25.10	24.68	1.20%			26.43	



We Create Fortune

NTL	23.10	GIẢM	TĂNG		26.10			10.45	23.02	121.05%	
NVL	62.10	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	11.50	TĂNG	GIẢM	11.70	11.23	-1.71%			12.38		
PAC	27.00	GIẢM	GIẢM		29.79				33.46		
PC1	17.90	TĂNG	GIẢM	17.45	17.23	2.58%			18.38		
PDR	26.35	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-9.14%	
PHR	64.20	GIẢM	GIẢM		73.86			24.00	65.28	172.01%	
PLX	60.70	GIẢM	TĂNG		62.79			62.40	59.59	-2.72%	
PNJ	82.40	GIẢM	TĂNG		85.74			104.00	78.69	-20.77%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				14.83		
PVT	17.10	GIẢM	TĂNG		18.34			18.30	16.28	-6.56%	
PPC	25.20	GIẢM	GIẢM		26.54				29.10		
PTB	68.30	GIẢM	TĂNG	69.70	68.32	-1.99%	BÁN	64.00	64.57	6.72%	
PVB	20.10	GIẢM	TĂNG		21.54			20.10	19.27	0.00%	
PVD	17.70	TĂNG	TĂNG	16.35	17.66	8.26%		18.10	14.79	-2.21%	
PVI	33.70	GIẢM	GIẢM		37.64				39.70		
PVS	20.50	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-5.09%			23.52		
PXS	4.95	GIẢM	GIẢM		5.86			4.85	5.35	10.37%	BÁN
QNS	30.60	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-1.92%		33.80	27.77	-9.47%	
REE	36.90	TĂNG	TĂNG	34.00	35.39	8.53%		33.33	33.81	10.73%	
SAB	272.40	GIẢM	TĂNG		281.30			245.00	259.03	11.18%	
SAM	7.78	GIẢM	TĂNG		7.99			7.40	7.69	5.14%	
SCR	6.77	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-2.17%			7.11		
SHI	9.67	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	15.26%		6.99	7.62	38.34%	
SJS	18.10	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-1.36%		-	19.89		
SKG	11.30	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
SSI	21.45	GIẢM	GIẢM		22.27				24.29		
STB	10.20	TĂNG	GIẢM	10.70	10.11	-4.67%			11.20		
TCB	21.40	TĂNG	GIẢM	20.85	20.95	2.64%			22.22		
TCM	23.00	GIẢM	GIẢM		24.73				27.83		
TDH	10.20	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	8.51%		10.15	10.07	0.49%	MUA
TLH	4.70	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-1.05%			5.13		
TNG	18.00	GIẢM	GIẢM		19.29				21.22		
VCB	77.80	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-2.75%		62.00	73.39	25.48%	
VCG	25.80	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-4.44%		19.20	24.08	34.38%	
VCS	87.50	TĂNG	TĂNG	81.10	85.20	7.89%		68.00	76.91	28.68%	
VGC	18.70	TĂNG	GIẢM	19.25	18.30	-2.86%			20.53		
VGT	8.80	GIẢM	GIẢM		9.17				10.12		
VHC	78.60	GIẢM	GIẢM		80.54				92.24		

We Create Fortune

VHM	87.60	TĂNG	TĂNG	87.30	83.79	0.34%		90.20	76.55	-2.88%	
VIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	4.12%		17.70	16.40	0.00%	
VIC	123.00	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.46%		112.00	113.76	9.82%	
VIP	5.12	GIẢM	GIẢM		5.17				5.48		
VJC	132.00	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.86%		124.50	124.10	6.02%	
VND	13.90	GIẢM	GIẢM		14.51				16.01		
VNG	20.70	TĂNG	TĂNG	19.10	19.80	8.38%		20.20	17.38	2.48%	
VNM	124.00	TĂNG	GIẢM	124.00	123.24	0.00%	MUA		130.37		
VPB	20.30	TĂNG	TĂNG	19.10	19.63	6.28%		20.30	19.82	0.00%	MUA
VPI	41.55	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.54%		41.30	39.15	0.61%	
VRC	15.50	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	1.31%			16.26		
VRE	34.25	GIẢM	TĂNG		35.67			35.00	33.61	-2.14%	
VSC	29.20	TĂNG	GIẢM	28.60	27.46	2.10%			31.41		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.10	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-2.64%			23.85		
BID	38.70	TĂNG	TĂNG	32.65	36.68	18.53%		33.40	33.64	15.87%	
BSR	9.40	GIẢM	GIẢM		9.78				11.23		
BVH	75.50	GIẢM	GIẢM		79.18			85.40	76.69	-10.19%	BÁN
CTG	19.95	GIẢM	GIẢM		20.84				22.52		
EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.90			14.70	16.88	14.97%	
FPT	53.70	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	18.81%		41.00	48.54	30.99%	
GAS	99.80	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-5.13%			109.55		
HDB	25.70	TĂNG	GIẢM	26.30	25.54	-2.28%			27.77		
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	-0.58%	
HPG	21.65	GIẢM	GIẢM		23.17				23.96		
HVN	36.00	GIẢM	GIẢM		37.57				42.96		
KDH	23.75	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	3.71%		24.00	21.98	-1.04%	
MBB	22.80	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	2.70%		21.27	20.88	7.19%	
MSN	74.00	GIẢM	GIẢM	78.00	74.67	-4.27%	BÁN		84.26		
MWG	117.60	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	32.58%	
NVL	62.10	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	11.50	TĂNG	GIẢM	11.70	11.23	-1.71%			12.38		
PLX	60.70	GIẢM	TĂNG		62.79			59.97	59.59	1.22%	
PNJ	82.40	GIẢM	TĂNG		85.74			77.88	78.69	5.80%	

We Create Fortune

POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				14.83		
PVS	20.50	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-5.09%			23.52		
QNS	30.60	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-1.92%		33.80	27.77	-9.47%	
REE	36.90	TĂNG	TĂNG	34.00	35.39	8.53%		33.33	33.81	10.73%	
ROS	27.10	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-1.45%			29.25		
SSI	21.45	GIẢM	GIẢM		22.27				24.29		
STB	10.20	TĂNG	GIẢM	10.70	10.11	-4.67%			11.20		
TCB	21.40	TĂNG	GIẢM	20.85	20.95	2.64%			22.22		
TPB	22.70	TĂNG	GIẢM	23.00	22.58	-1.30%			N/A		
VCB	77.80	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-2.75%		62.00	73.39	25.48%	
VCG	25.80	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-4.44%		18.44	24.08	39.90%	
VEA	51.80	TĂNG	GIẢM	54.50	51.57	-4.95%			N/A		
VGI	34.30	TĂNG	GIẢM	29.50	34.18	16.27%			N/A		
VHM	87.60	TĂNG	TĂNG	87.30	83.79	0.34%		90.20	76.55	-2.88%	
VIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	4.12%		17.70	16.40	0.00%	
VIC	123.00	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.46%		112.00	113.76	9.82%	
VJC	132.00	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.86%		124.50	124.10	6.02%	
VNM	124.00	TĂNG	GIẢM	124.00	123.24	0.00%	MUA		130.37		
VPB	20.30	TĂNG	TĂNG	19.10	19.63	6.28%		20.30	19.82	0.00%	MUA
VRE	34.25	GIẢM	TĂNG		35.67			34.00	33.61	0.75%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.70			16.85	16.52	-1.95%	BÁN
ANV	24.60	GIẢM	GIẢM		25.40				28.27		
ASM	6.25	GIẢM	GIẢM		6.52				6.91		
BMP	49.30	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	2.07%	
BWE	26.45	TĂNG	TĂNG	27.20	26.18	-2.76%		19.44	25.45	36.06%	
C4G	7.90	GIẢM	GIẢM		8.31				9.61		
CEO	9.90	GIẢM	GIẢM		10.48				11.33		
CII	20.70	TĂNG	GIẢM	21.05	20.05	-1.66%			22.73		
CRE	25.10	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-1.18%			26.06		
CTI	23.00	GIẢM	GIẢM		24.30				24.64		
CTR	55.80	GIẢM	#N/A	28.80	58.42	102.86%	BÁN	-	#N/A		
DCM	8.47	TĂNG	GIẢM	8.47	8.20	0.00%	MUA		8.53		
DHC	30.70	GIẢM	GIẢM		32.69				35.74		

We Create Fortune

DIG	13.90	TĂNG	TĂNG	13.45	13.83	3.35%		13.90	11.60	0.00%	
DPM	13.65	GIẢM	GIẢM		13.93				15.49		
DRC	22.05	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	7.82%		21.60	19.76	2.08%	
DXG	15.00	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-7.12%		15.50	14.74	-3.23%	MUA
E1VFN30	14.78	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	1.09%			15.16		
FCN	12.40	GIẢM	GIẢM		12.63				13.62		
FLC	3.73	GIẢM	GIẢM		3.95				4.34		
FTM	9.40	GIẢM	GIẢM		11.73				20.36		
GEG	27.30	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	19.74%		12.90	23.98	111.63%	
GEX	20.65	TĂNG	TĂNG	22.20	20.08	-6.98%		20.20	18.55	2.23%	
GMD	28.35	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	6.78%		28.50	25.99	-0.53%	
GTN	18.90	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	0.53%		15.00	16.84	26.00%	
GVR	14.10	GIẢM	#N/A		16.53			-	#N/A		
HAG	4.81	GIẢM	GIẢM		5.03				5.48		
HBC	13.55	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-4.91%			15.79		
HCM	20.65	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15		
HDG	34.90	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-1.13%	
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.75%		-	#N/A		
HSG	6.78	GIẢM	GIẢM		7.05				7.74		
HT1	15.30	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
IBC	20.40	GIẢM	TĂNG		21.17			24.90	20.15	-18.07%	
IDI	6.26	GIẢM	GIẢM		6.56				7.19		
IJC	14.25	GIẢM	TĂNG	11.35	14.43	27.15%	BÁN	13.10	12.96	8.78%	
ITA	3.31	GIẢM	TĂNG		3.51			3.20	2.96	3.44%	
KBC	15.90	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-0.62%		15.35	14.17	3.58%	
KSB	22.50	GIẢM	TĂNG	22.95	23.35	1.73%	BÁN	23.90	21.11	-5.86%	
LDG	9.05	TĂNG	GIẢM	8.18	8.94	10.64%			9.15		
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.94				8.33		
MBS	15.20	GIẢM	TĂNG		15.98			16.00	14.25	-5.00%	
MPC	28.40	GIẢM	GIẢM		31.01				36.74		
NBB	19.90	GIẢM	TĂNG		21.06			21.50	19.30	-7.44%	
NKG	6.15	GIẢM	GIẢM		6.59				6.85		
NLG	30.00	GIẢM	TĂNG		31.49			28.70	28.89	4.53%	
NT2	25.40	TĂNG	GIẢM	25.10	24.68	1.20%			26.43		
NTC	167.00	GIẢM	TĂNG	194.30	180.16	-7.28%	BÁN	120.00	162.94	39.17%	
NTL	23.10	GIẢM	TĂNG		26.10			9.33	23.02	147.55%	
NVB	7.20	GIẢM	GIẢM		7.53				8.41		
OGC	3.90	GIẢM	GIẢM		4.12				4.54		

We Create Fortune

PC1	17.90	TĂNG	GIẢM	17.45	17.23	2.58%			18.38		
PDR	26.35	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	11.68%	
PHR	64.20	GIẢM	GIẢM		73.86			22.86	65.28	185.52%	
PPC	25.20	GIẢM	GIẢM		26.54				29.10		
PTB	68.30	GIẢM	TĂNG	69.70	68.32	-1.99%	BÁN	60.78	64.57	12.37%	
PVD	17.70	TĂNG	TĂNG	16.35	17.66	8.26%		18.10	14.79	-2.21%	
PVI	33.70	GIẢM	GIẢM		37.64				39.70		
PVT	17.10	GIẢM	TĂNG		18.34			18.30	16.28	-6.56%	
QCG	4.73	GIẢM	GIẢM		4.92				5.28		
SAM	7.78	GIẢM	TĂNG		7.99			7.40	7.69	5.14%	
SBT	16.50	TĂNG	GIẢM	16.50	15.53	0.00%			17.18		
SCR	6.77	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-2.17%			7.11		
SHB	6.20	GIẢM	GIẢM		6.45				6.86		
SHS	7.60	GIẢM	GIẢM		8.25				9.43		
SJS	18.10	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-1.36%			19.89		
STK	21.30	TĂNG	GIẢM	22.10	20.48	-3.62%			24.36		
SZC	20.30	GIẢM	#N/A		24.02			-	#N/A		
TCH	22.60	TĂNG	TĂNG	22.05	21.69	2.49%		22.50	20.12	0.44%	
TCM	23.00	GIẢM	GIẢM		24.73				27.83		
TNG	18.00	GIẢM	GIẢM		19.29				21.22		
TTB	24.30	TĂNG	TĂNG	22.60	24.18	7.52%		24.50	22.70	-0.82%	
VCI	31.25	GIẢM	TĂNG		34.58			36.00	30.78	-13.19%	
VGT	8.80	GIẢM	GIẢM		9.17				10.12		
VHC	78.60	GIẢM	GIẢM		80.54				92.24		
VND	13.90	GIẢM	GIẢM		14.51				16.01		
VNG	20.70	TĂNG	TĂNG	19.10	19.80	8.38%		20.20	17.38	2.48%	
VPI	41.55	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.54%		41.30	39.15	0.61%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.80	GIẢM	#N/A		11.33			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.79	GIẢM	TĂNG	4.40	4.86	10.39%	BÁN	3.99	4.04	20.05%	
AMD	1.55	TĂNG	GIẢM	1.66	1.55	-6.63%			1.89		
APG	8.90	GIẢM	TĂNG		9.29			9.90	7.90	-10.10%	
ART	2.00	GIẢM	GIẢM		2.31				2.65		
BCC	7.70	TĂNG	GIẢM	8.10	7.46	-4.94%			8.95		



We Create Fortune

BCG	7.80	TĂNG	TĂNG	5.82	7.18	34.02%		6.39	5.94	22.07%	
C69	18.30	TĂNG	TĂNG	18.30	17.38	0.00%	MUA	5.30	16.85	245.28%	
CCL	9.18	TĂNG	TĂNG	6.38	8.42	43.89%		3.46	6.83	165.32%	
CRC	17.30	GIẢM	TĂNG		18.11			18.90	15.04	-8.47%	
CVT	20.20	GIẢM	TĂNG		21.19			20.35	18.94	-0.74%	
DAG	6.96	TĂNG	TĂNG	6.55	6.78	6.26%		7.09	6.22	-1.83%	
DAH	10.00	GIẢM	GIẢM		11.96			4.66	11.33	142.82%	BÁN
DGW	23.40	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	-0.43%	
DLG	1.60	TĂNG	GIẢM	1.61	1.53	-0.62%			1.65		
DRH	7.26	GIẢM	GIẢM	7.73	7.35	-4.92%	BÁN		7.76		
DTD	16.90	TĂNG	TĂNG	15.90	16.08	6.29%		12.90	13.45	31.01%	
EVG	2.60	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-7.14%			3.02		
FIT	3.45	GIẢM	TĂNG		3.60			3.64	3.03	-5.22%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%			15.54		
HAH	15.70	TĂNG	TĂNG	12.80	14.52	22.66%		13.00	13.48	20.77%	
HAI	1.64	GIẢM	GIẢM		1.74				1.93		
HAP	3.37	GIẢM	TĂNG		3.45			3.67	3.25	-8.17%	
HAR	3.72	TĂNG	GIẢM	3.56	3.44	4.49%			3.88		
HCD	3.50	GIẢM	GIẢM		3.73				4.20		
HDA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.46			11.30	11.25	-0.44%	BÁN
HDC	20.35	GIẢM	TĂNG		23.22			15.25	17.98	33.44%	
HHP	11.70	GIẢM	GIẢM		12.11				13.79		
HHS	2.94	GIẢM	GIẢM		3.08				3.37		
HII	11.80	TĂNG	GIẢM	11.45	11.14	3.06%			12.29		
HQC	1.35	GIẢM	GIẢM		1.38				1.45		
HSL	9.15	TĂNG	GIẢM	8.10	8.48	12.96%			9.33		
HUT	2.20	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-8.33%			2.83		
HVG	2.84	GIẢM	GIẢM		3.37				3.75		
HVH	20.90	GIẢM	#N/A		23.09				#N/A		
JVC	3.08	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	11.59%		3.10	2.41	-0.65%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.50		
KMR	2.65	GIẢM	TĂNG		2.80			3.68	2.65	-27.99%	BÁN
LCG	9.30	GIẢM	GIẢM		9.53				10.67		
LGL	10.40	TĂNG	TĂNG	10.60	10.18	-1.89%		7.11	8.90	46.21%	
LHG	17.90	GIẢM	TĂNG		19.09			19.30	17.32	-7.25%	
LMH	16.85	GIẢM	#N/A		17.31			-	#N/A		
MST	2.90	TĂNG	GIẢM	2.80	2.59	3.57%			3.16		
NDN	17.10	GIẢM	TĂNG		19.25			13.10	16.27	30.49%	
PHC	12.45	GIẢM	GIẢM		12.70				13.57		



We Create Fortune

PVB	20.10	GIẢM	TĂNG		21.54			20.10	19.27	0.00%	
PVC	7.20	GIẢM	TĂNG		7.63			7.10	6.67	1.41%	
PXL	5.90	TĂNG	GIẢM	5.70	5.67	3.51%			6.65		
PXS	4.95	GIẢM	GIẢM		5.86			4.85	5.35	10.37%	BÁN
QBS	2.83	GIẢM	GIẢM	3.08	2.90	-5.97%	BÁN		3.36		
SFG	8.11	GIẢM	GIẢM		8.87				11.36		
SHI	9.67	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	15.26%		6.23	7.62	55.15%	
SJF	2.69	GIẢM	GIẢM		2.90				3.81		
SKG	11.30	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
TDH	10.20	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	8.51%		10.15	10.07	0.49%	MUA
TIG	3.40	TĂNG	TĂNG	3.40	3.31	0.00%	MUA	3.20	3.03	6.25%	
TLD	5.88	TĂNG	GIẢM	5.35	5.63	9.91%		5.99	5.92	-1.20%	MUA
TLH	4.70	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	0.00%			5.13		
TNI	10.35	GIẢM	GIẢM		10.58				11.74		
TTF	3.00	TĂNG	GIẢM	3.15	3.00	-4.76%			3.62		
TTH	2.80	GIẢM	GIẢM		3.20				3.39		
TVB	15.20	GIẢM	GIẢM		17.44			20.10	21.41	6.49%	BÁN
TVC	16.60	GIẢM	TĂNG		17.08			14.30	14.26	16.08%	
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.09			22.00	21.35	3.18%	
VCR	22.90	TĂNG	GIẢM	20.50	21.62	11.71%			25.98		
VNE	3.30	TĂNG	GIẢM	3.35	3.07	-1.49%			3.70		
VPG	21.40	TĂNG	TĂNG	21.40	21.19	0.00%		20.46	19.34	4.62%	
VRC	15.50	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	0.65%			16.26		
YBM	9.72	GIẢM	GIẢM		10.25				12.01		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	979.36	-0.48%
VN30	888.97	-0.40%
VN Mid	959.18	-1.45%
VN Small	813.36	-1.14%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	101.4	-0.90%
HN30	185.1	-1.72%
VNX AllSh	863.35	-0.55%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.31	-0.90%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	481.12	
Bán	492.67	
GT ròng	-11.55	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	99.53	
Bán	15.06	
GT ròng	84.47	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	20.70	
Bán	10.75	
GT ròng	9.95	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
RAL	5400	6.97%
YEG	3500	6.93%
DCL	700	4.22%
DCM	280	3.42%
SJS	300	1.69%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	800	3.62%
TVC	100	0.61%
AMV	100	0.55%
NVB	0	0.00%
MBS	0	0.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	3300	13.36%
VIB	200	1.14%
VCP	300	0.80%
VTP	300	0.22%
BOT	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
D2D	-5600	-7.00%
PHR	-4800	-6.96%
SZL	-4200	-6.94%
HVG	-210	-6.89%
SZC	-1500	-6.88%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-7000	-10.00%
MBG	-1300	-9.49%
NDN	-800	-4.47%
PVI	-1300	-3.71%
VCG	-600	-2.27%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTC	-16200	-8.84%
NTC	-16200	-8.84%
GVR	-1100	-7.24%
CTR	-4100	-6.84%
EVF	-500	-6.17%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	413,223	
VHM	294,087	
VCB	288,180	
VNM	214,189	
GAS	192,543	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,993	
VCS	14,034	
VCG	11,661	
PVS	9,942	
PVI	8,089	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	178,543	
VGI	109,565	
VEA	72,810	
GVR	60,896	
MCH	51,991	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	31,645,040	20,124,255
VPB	10,443,740	3,318,225
EIB	9,801,800	3,088,759
HQC	8,749,750	1,673,473
MBB	8,721,400	4,884,107

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
NVB	5,441,000	788,824
SHB	3,815,703	3,633,590
PVI	3,456,175	693,947
VIX	2,027,800	372,733
PVS	2,019,314	2,781,356

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VIB	1,892,779	1,112,500
GVR	1,825,609	1,566,510
PXL	1,335,000	575,879
BSR	1,085,394	1,533,898
SGP	1,075,380	272,772

Nguồn: Bloomberg & YSVN

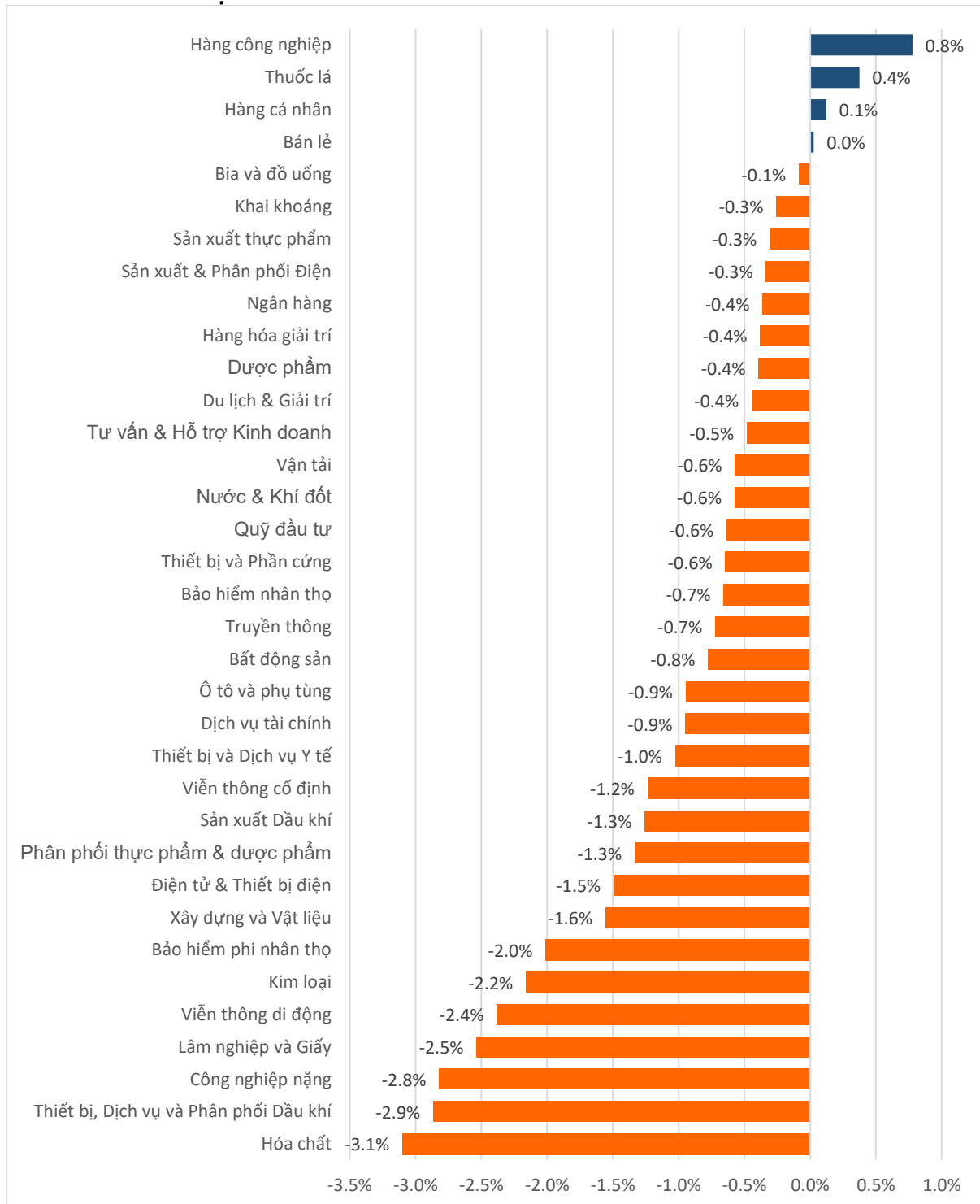
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



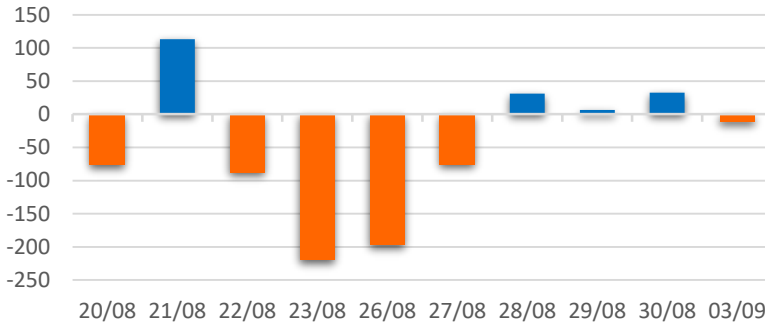
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

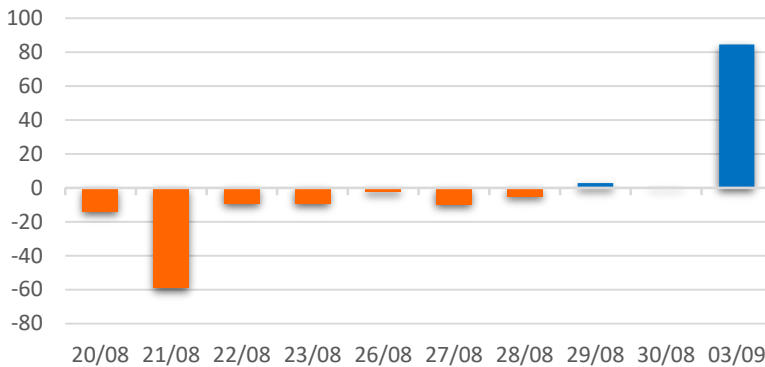
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	55,718	VJC	31,383
NVL	8,862	VRE	9,974
VCB	6,873	E1VFN30	9,759
BID	5,462	TNA	7,888
KBC	4,600	HPG	7,705

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

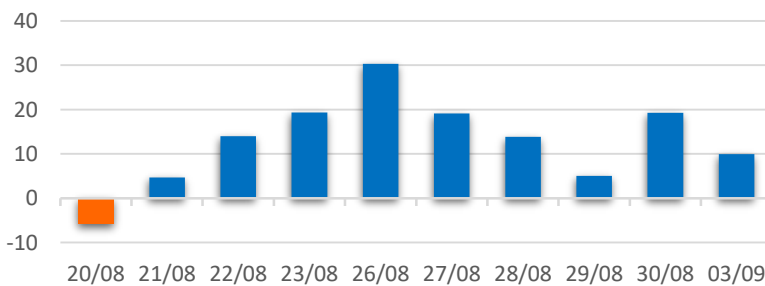
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVI	88,911	PVS	5,204
SHB	6,374	SHS	3,993
IDV	390	CEO	1,651
WCS	139	TIG	413
DGC	123	BVS	357

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	7,873	VEA	2,196
VTP	1,932	NTC	722
HND	1,448	OIL	639
ACV	967	BSR	575
SDI	935	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



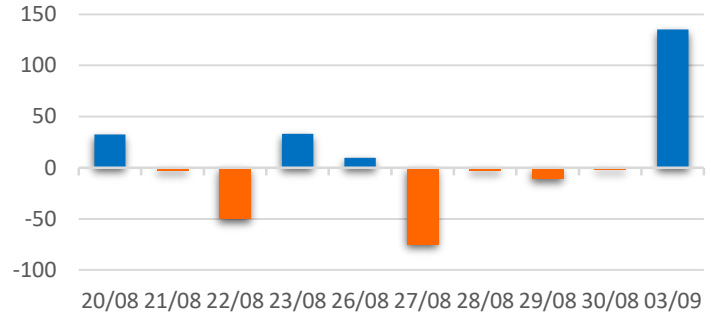
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

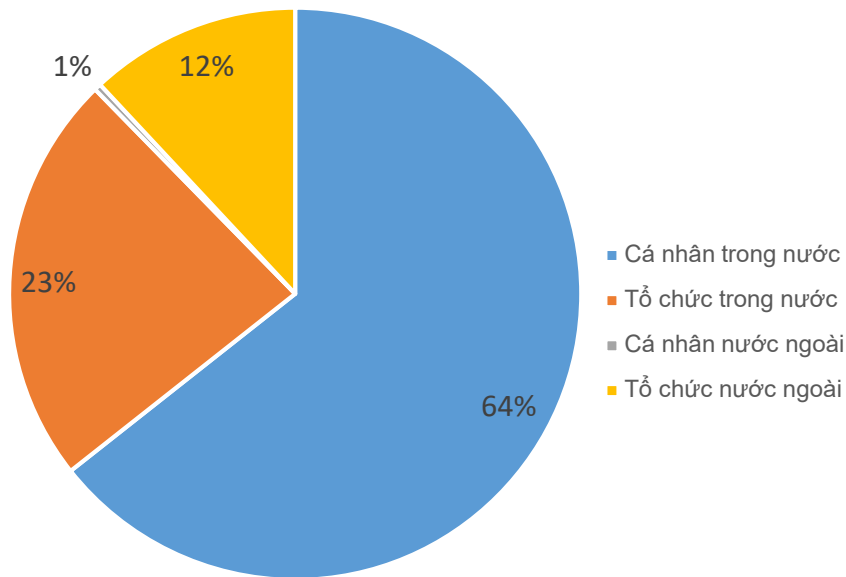
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	4,658	MWG	11,607
VHM	3,500	GMD	7,428
VHM	3,500	KDH	4,670
IJC	2,551	GEX	3,784
FPT	1,810	VPB	835

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

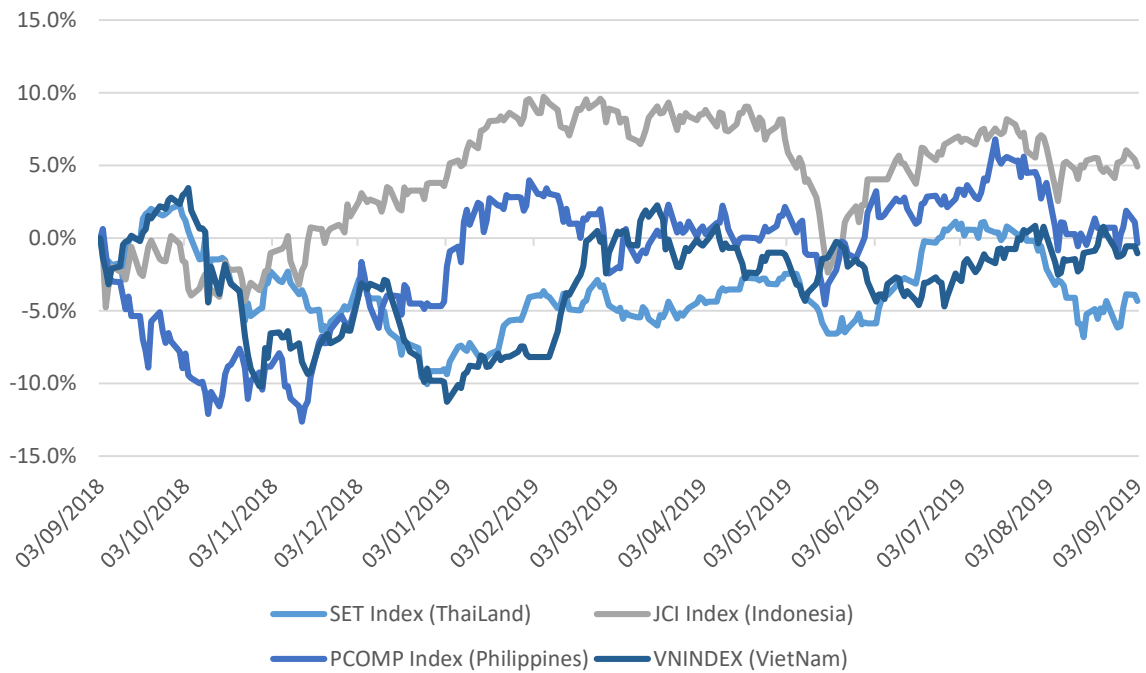


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

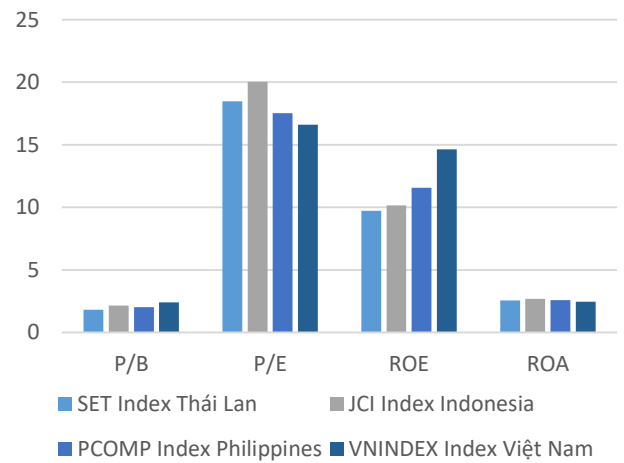
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.5x	20.0x	17.5x	16.6x
ROE	%	9.73	10.16	11.55	14.63
ROA	%	2.56	2.68	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	554.11	509.02	189.74	143.42
GTGD	Triệu USD	1.42	0.46	0.05	0.11
LS cổ tức	%	3.10	2.47	1.67	1.84

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written